

Hải Phòng, ngày 12 tháng 10 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 52.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người ủy quyền: Ông Đàm Mạnh Cường

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 092084002925 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30/12/2016.

Người được ủy quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 031069006598 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/12/2019.

Nội dung ủy quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đàm Mạnh Cường ủy quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được ủy quyền.
3. Thời hạn ủy quyền: Việc ủy quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy ủy quyền.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phan Thanh Bình

**NGƯỜI ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đàm Mạnh Cường

Số: 01/ CV-TASA DH - 2022

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD

Quý IV năm 2021)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 Fax: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44,782,351,814	7,842,397,009	36,939,954,805	471.03%
Giá vốn hàng bán	36,581,214,328	6,382,440,652	30,198,773,676	473.15%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,201,137,486	1,459,956,357	6,741,181,129	461.74%
Doanh thu hoạt động tài chính	3,929,596,376	4,917,608,121	(988,011,745)	-20.09%
Chi phí tài chính	60,274,233	(92,132,984)	152,407,217	-165.42%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,742,893,868	1,404,452,858	3,338,441,010	237.70%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,327,565,761	5,065,244,604	2,262,321,157	44.66%
Thuế TNDN phải nộp	1,470,945,989	105,277,333	1,365,668,656	1297.21%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,856,619,772	4,959,967,271	896,652,501	18.08%

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý IV/2021 tăng 18.08% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Doanh thu sản xuất kinh doanh Quý IV/2021 tăng 471.03% so với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng cung cấp dịch vụ tăng, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 461.74%.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Nhu trên

-Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Số: 02 /CV-TASA DH - 2022

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD
năm 2021)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 Fax: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	98,153,324,766	28,537,936,196	69,615,388,570	243.94%
Giá vốn hàng bán	82,512,063,696	23,108,336,289	59,403,727,407	257.07%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,641,261,070	5,429,599,907	10,211,661,163	188.07%
Doanh thu hoạt động tài chính	31,472,736,668	18,358,844,774	13,113,891,894	71.43%
Chi phí tài chính	(1,443,507,511)	(217,710,505)	(1,225,797,006)	-563.04%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,226,573,286	5,049,952,422	5,176,620,864	102.51%
Thu nhập khác	875,060,416		875,060,416	100.00%
Chi phí khác	3,370		3,370	100.00%
Lợi nhuận khác	875,057,046	-	875,057,046	100.00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,205,989,009	18,956,202,764	20,249,786,245	106.82%
Thuế TNDN phải nộp	6,336,267,723	565,031,923	5,771,235,800	1021.40%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32,869,721,286	18,391,170,841	14,478,550,445	78.73%

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 tăng 78.73% so với năm trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2021 tăng 243.94% so với năm ngoái do sản lượng cung cấp dịch vụ tăng, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 188.07%.

+ Khoản mục doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 tăng 71.43% so với năm ngoái: năm 2021, khoản tiền lãi thu được do Công ty đầu tư tài chính nhiều hơn so với năm ngoái.



+ Khoản mục chi phí tài chính: năm 2021, Công ty hoàn nhập số đã trích dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con của các kỳ trước.

+ Trong năm 2021, Công ty thu được lợi nhuận từ bán phương tiện vận tải. Năm 2020 không có khoản thu nhập này.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC

*TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình*



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2021



MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
-	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021</i>	1-2
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV năm 2021</i>	3
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021</i>	4
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV năm 2021</i>	5-22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Tài sản ngắn hạn	100		207,192,849,525	74,658,384,189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5,131,557,194	56,020,370,348
1. Tiền	111		5,131,557,194	5,020,370,348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	51,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		201,854,569,398	18,223,007,933
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	13,866,625,814	1,635,912,548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70,502,904,000	79,427,371
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	117,485,039,584	16,507,668,014
IV. Hàng tồn kho	140		84,667,031	-
1. Hàng tồn kho	141	V.5	84,667,031	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		122,055,902	415,005,908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	98,392,745	415,005,908
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152		23,663,157	-
B. Tài sản dài hạn	200		114,350,639,852	175,999,607,584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40,473,808,000	8,892,000,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.3b	-	8,800,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	40,473,808,000	92,000,000
II. Tài sản cố định	220		967,873,563	1,092,760,467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	967,873,563	1,092,760,467
- Nguyên giá	222		1,323,944,547	9,328,713,864
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(356,070,984)	(8,235,953,397)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		72,000,000,000	165,591,640,789
1. Đầu tư vào công ty con	251		72,000,000,000	167,096,120,074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1,504,479,285)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		908,958,289	423,206,328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	908,958,289	423,206,328
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		321,543,489,377	250,657,991,773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. Nợ phải trả	300		11,895,243,173	4,225,304,674
I. Nợ ngắn hạn	310		11,880,243,173	4,147,304,674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	7,323,631,415	1,038,579,164
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		231,019,601	49,355
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	1,674,318,678	108,968,894
4. Phải trả người lao động	314		1,171,001,200	220,494,900
5. Chi phí phải trả	315	V.10	462,891,471	592,041,000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	854,517,701	2,017,010,594
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		162,863,107	170,160,767
II. Nợ dài hạn	330		15,000,000	78,000,000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	15,000,000	78,000,000
D Vốn chủ sở hữu	400	V.13a	309,648,246,204	246,432,687,099
I. Vốn chủ sở hữu	410		309,648,246,204	246,432,687,099
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187,110,000,000	187,110,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187,110,000,000	167,280,760,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29,926,933,100	9,772,359,500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(22,095,490,500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	416		944,565,060	875,146,852
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	108,532,185
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91,666,748,044	70,662,139,062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70,023,626,758	60,635,006,221
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21,643,121,286	10,027,132,841
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		321,543,489,377	250,657,991,773

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44,782,351,814	7,842,397,099	98,153,324,766	28,537,936,196
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
- Hàng bán bị trả lại						
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44,782,351,814	7,842,397,099	98,153,324,766	28,537,936,196
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	36,581,214,328	6,382,440,652	82,512,063,696	23,108,336,289
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,201,137,486	1,459,956,447	15,641,261,070	5,429,599,907
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3,929,596,376	4,917,608,121	31,472,736,668	18,358,844,774
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	60,274,233	(92,132,984)	(1,443,507,511)	(217,710,505)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				-	-
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,742,893,868	1,404,452,858	10,226,573,286	5,049,952,422
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,327,565,761	5,065,244,694	38,330,931,963	18,956,202,764
10 Thu nhập khác	31		-		875,060,416	
11 Chi phí khác	32		-		3,370	
12 Lợi nhuận khác	40		-	-	875,057,046	
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,327,565,761	5,065,244,694	39,205,989,009	18,956,202,764
14 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1,470,945,989	105,277,333	6,336,267,723	565,031,923
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,856,619,772	4,959,967,361	32,869,721,286	18,391,170,841

Hải phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39,205,989,009	18,956,202,764
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	124,886,904	173,839,652
- Các khoản dự phòng	03	(1,504,479,285)	(221,279,549)
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	60,279,639	(221,827)
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(19,856,392,142)	(18,355,914,684)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18,030,284,125	552,626,356
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(158,994,144,065)	(3,508,335,519)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(84,667,031)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	19,063,766,261	(4,301,110,672)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(169,138,798)	(698,660,968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4,870,599,067)	(771,568,525)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(918,776,500)	(665,244,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(127,943,275,075)	(9,392,293,328)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(70,160,904,000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	875,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(36,800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8,800,000,000	88,200,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(117,600,000,000)	(4,060,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	208,247,444,563	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36,737,018,677	21,912,287,352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	66,898,559,240	69,252,287,352
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	22,095,490,500	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,879,308,180)	(15,001,976,565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10,216,182,320	(15,001,976,565)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(50,828,533,515)	44,858,017,459
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56,020,370,348	11,162,131,062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(60,279,639)	221,827
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,131,557,194	56,020,370,348

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUÝ IV NĂM 2021**

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 18 tháng 10 năm 2021. Theo đó; Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam .

Vốn điều lệ của Công ty : **187.110.000.000 đồng**

Mệnh giá cổ phần : **10.000 đồng**

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, romooc và bán romooc.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 03 tháng

5. Danh sách các Công ty con, chi nhánh và tỷ lệ sở hữu

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 07 tháng 4 năm 2021. Theo đó:

Vốn điều lệ : 60.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Cho thuê kho bãi, văn phòng, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty Mẹ nắm giữ 99,89% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 21/05/2021.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 06 tháng 10 năm 2017. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 07/06/2021.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 25 tháng 09 năm 2017. Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, Lê Văn Lương, Trung hòa - Nhân chính, phường Nhân chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là vận tải hàng hoá bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con .

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.

• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200667880 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 9 năm 2017. Theo đó;

Vốn điều lệ : 45.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,947% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 31/05/2021.

• **Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải**

Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202022905 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2020. Theo đó;

Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là công nghệ và phần mềm.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con .

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.

• **Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam**

Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108989195 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2019, thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 6 năm 2020. Theo đó;

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 59C ngõ 66, Phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là thương mại và dịch vụ.

Công ty nắm giữ 51,00% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 01 tháng 04 năm 2021. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Lô số 2, Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty sở hữu gián tiếp 100,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải; Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 15 ngày 02 tháng 04 năm 2021. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

Công ty sở hữu gián tiếp 99,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải;

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.

• **Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia**

Công ty CP Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314807644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04 tháng 11 năm 2021. Theo đó:

Vốn điều lệ : 71.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 86/42 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, VN

Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm nhiên liệu xăng dầu, dầu gốc, phụ gia sản xuất dầu nhờn.

Công ty nắm giữ 50,704% vốn điều lệ thông qua việc sở hữu 3.600.000 cổ phần tại Công ty con này đến thời điểm 31/12/2021. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 50,704% tại Công ty con.

• **Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0200793081-001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2018, thay đổi lần thứ 1 ngày 15 tháng 03 năm 2018.

• **Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Địa điểm kinh doanh tại TP Hà Nội**

Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Địa điểm kinh doanh tại TP Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Địa điểm kinh doanh số :001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2020.

• **Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Văn phòng đại diện tại Tỉnh Thanh Hóa**

Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Văn phòng Đại diện tại Tỉnh Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 0200793081-003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2021.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

(Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng hoặc được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá.

10.4. Doanh thu nhận trước: Phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về tiền thuê văn phòng, thuê tài sản.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có). Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Quý IV năm 2021 là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: Đồng

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1. Tiền và các khoản tương đương tiền				
Tiền mặt	962,874,884		1,099,146,686	
Tiền gửi ngân hàng	4,168,682,310		3,921,223,662	
Các khoản tương đương tiền	-		51,000,000,000	
Gửi tiết kiệm NH TMCP ĐT và PT VN-CN Đông HP			16,000,000,000	
Gửi tiết kiệm NH TMCP Công thương VN-CN Ngô Quyền			20,000,000,000	
Gửi tiết kiệm NH TMCP Việt Á - CN Hải Phòng			15,000,000,000	
Cộng:	5,131,557,194		56,020,370,348	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
3. Phải thu về cho vay				
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
b. Phải thu về cho vay dài hạn			8,800,000,000	
Công ty TNHH Container Minh Thành			8,800,000,000	
Cộng:			8,800,000,000	
4. Phải thu của khách hàng				
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13,808,582,350		1,440,057,955	
Công ty TNHH Đại lý vận tải Evergreen VN	18,960,480		16,299,711	
Công ty CP kinh doanh CBLS Yên Bái			130,645,900	
Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam	82,471,840		308,189,125	
Công ty TNHH TJP Vina			404,666,589	
Công ty TNHH KSA Polymer Hà Nội			189,366,619	
Công ty CP Xuất Nhập khẩu Ván ép 368	1,380,883,550			
Công ty TNHH KD và XNK Trường Thịnh	4,933,098,703			
Công ty TNHH XNK và TM Hải Linh	2,518,100,000			
Các đối tượng khác	4,875,067,777		390,890,011	
b. Phải thu của khách hàng dài hạn				
c. Phải thu của khách hàng	58,043,464		195,854,593	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	8,705,454		66,000,000	
Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội			24,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	49,338,010		41,854,593	
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam			64,000,000	
Cộng:	13,866,625,814		1,635,912,548	
5. Phải thu khác				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a. Ngắn hạn

- Phải thu lãi vay, phải thu khác	-	4,308,041,370
- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải		4,267,340,000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	-	40,701,370
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10,195,447,870
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	4,351,701,893
- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	-	836,662,517
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	387,065,713
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	4,620,017,747
+ Phải thu khác	71,231,828,584	123,989,274
Lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng		90,260,274
Công ty TNHH Thương mại TTRICO	64,920,000,000	
Công ty CP Bất động sản Hòa Phú	5,600,000,000	
Các đối tượng khác	711,828,584	33,729,000
+ Đặt cọc	45,060,000,000	
Công ty Cổ phần Samco Vina	60,000,000	
Nguyễn Thanh Phong	45,000,000,000	
+ Phải thu khác	1,193,211,000	1,880,189,500
Cộng:	117,485,039,584	- 16,507,668,014

b. Dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP TM phát triển Gia Định	20,000,000,000			
Công ty TNHH HV Investment	20,000,000,000			
Các đối tượng khác	473,808,000		92,000,000	
Cộng:	40,473,808,000	-	92,000,000	-

6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)

7. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí thuê văn phòng		383,333,333
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	98,392,745	31,672,575
Cộng:	98,392,745	415,005,908

b. Dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí cải tạo văn phòng	266,232,764	333,371,979
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	982,281	5,370,249
- Thiết bị văn phòng và công cụ bãi	641,743,244	84,464,100
Cộng:	908,958,289	423,206,328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	310,522,400	310,522,400	824,854,224	824,854,224
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	31,135,500	31,135,500	737,074,224	737,074,224
Công ty TNHH Container Minh Thành	279,386,900	279,386,900	87,780,000	87,780,000
b. Phải trả thương mại	6,702,586,615	6,702,586,615	213,724,940	213,724,940
Cộng:	7,323,631,415	7,323,631,415	1,038,579,164	1,038,579,164
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp				
- Thuế GTGT	88,010,001	1,185,074,997	1,268,863,268	4,221,730
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,277,333	6,330,834,886	4,870,599,067	1,465,513,152
- Thuế thu nhập cá nhân	15,681,560	807,434,410	618,532,174	204,583,796
- Thuế môn bài		4,500,000	4,500,000	
Cộng:	108,968,894	8,327,844,293	6,762,494,509	1,674,318,678
10. Chi phí phải trả	Cuối kỳ		Đầu năm	
Trích trước hoa hồng cho Ever, Hapag		462,891,471		592,041,000
Cộng:		462,891,471		592,041,000
11. Phải trả khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
a. Phải trả ngắn hạn khác				
Cổ tức lợi nhuận phải trả		631,656,300		610,434,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác:		222,861,401		1,406,576,594
-Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải HN				600,000,000
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi				791,960,664
-Các đối tượng khác		222,861,401		14,615,930
Cộng:		854,517,701		2,017,010,594
b. Phải trả dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ		15,000,000		78,000,000
Cộng:		15,000,000		78,000,000
12. Vay và nợ thuê tài chính				
13. Vốn chủ sở hữu				
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)				
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu				
Vốn góp của của các đối tượng khác		187,110,000,000		167,280,760,000
Cổ phiếu quỹ		-		19,829,240,000
Cộng:		187,110,000,000		187,110,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	187,110,000,000	187,110,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	187,110,000,000	187,110,000,000

d. Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,711,000	18,711,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18,711,000	16,728,076
+ Cổ phiếu phổ thông	18,711,000	16,728,076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1,982,924
+ Cổ phiếu phổ thông	-	1,982,924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,711,000	16,728,076
+ Cổ phiếu phổ thông	18,711,000	16,728,076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

e. Cổ tức

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thương mại, dịch vụ

Trong đó:

Doanh thu bãi

Doanh thu vận tải

Doanh thu thương mại, dịch vụ

Cộng:

Quý IV Năm 2021

Quý IV Năm 2020

5,185,348,829

4,641,825,081

9,485,667,022

396,800,000

30,111,335,963

2,803,772,018

44,782,351,814

7,842,397,099

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

3. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ

Giá vốn bãi

Giá vốn vận tải

Giá vốn thương mại, dịch vụ

Cộng:

Quý IV Năm 2021

Quý IV Năm 2020

4,084,937,146

4,048,479,178

8,917,682,785

380,577,270

23,578,594,397

1,953,384,204

36,581,214,328

6,382,440,652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi đầu tư TC	3,929,596,376	604,122,552
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4,313,263,742
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	221,827
Cộng:	3,929,596,376	4,917,608,121
5. Chi phí tài chính		
Chênh lệch tỷ giá	60,274,233	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	-	(92,132,984)
Cộng:	60,274,233	(92,132,984)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	3,335,197,997	704,874,503
Chi phí khấu hao TSCĐ	31,221,726	36,116,918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,195,868,145	597,114,537
Chi phí bằng tiền khác	180,606,000	66,346,900
Cộng	4,742,893,868	1,404,452,858
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nhân công	3,335,197,997	704,874,503
Chi phí Khấu hao TSCĐ	31,221,726	36,116,918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37,777,082,473	6,979,555,189
Chi phí bằng tiền khác	180,606,000	66,346,900
Cộng	41,324,108,196	7,786,893,510
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,470,945,989	105,277,333
Cộng	1,470,945,989	105,277,333

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

2. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,131,557,194	5,131,557,194
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	201,854,569,398	201,854,569,398
		<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả ngắn hạn của khách hàng và phải trả ngắn hạn khác	8,409,168,717	8,409,168,717
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	15,000,000	15,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Tại thời điểm 31/12/2021	Tại thời điểm 01/01/2021
a. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	36%	70%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	64%	30%
b. Tỷ suất sinh lợi:		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	33%	64%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	11%	7%
c. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	4%	2%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	4%	2%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	0.31%	0.44%

4. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải : Công ty sở hữu 99,89% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 21/05/2021.
- Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 07/06/2021.
- Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100,00% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 31/05/2021.
- Công ty TNHH công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải: Công ty sở hữu 100,00% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam: Công ty sở hữu 51,00% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty sở hữu gián tiếp 99,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ: Công ty sở hữu gián tiếp 100,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.
- Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ năng lượng Hoàng Gia: Công ty nắm giữ 50,704% vốn điều lệ thông qua sở hữu 3.600.000 cổ phần tại Công ty từ ngày 30/11/2021.
- Người nội bộ (Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị,...) và người có liên quan của người nội bộ.
- Các cổ đông lớn: Đàm Mạnh Cường, Nguyễn Duy Đình, Phạm Duy Như Quỳnh (Theo danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 01/11/2021 gần nhất với kỳ báo cáo)
- Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận: Tổ chức liên quan đến Ông Ngô Trọng Nghĩa - Thành viên HĐQT (ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2021 ngày 25/9/2021 thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Ngô Trọng Nghĩa kể từ ngày 1/9/2021)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Công ty TNHH MTV quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (không còn là cổ đông lớn từ ngày 28/5/2021);
- Công ty Cổ phần Hàng hải Macs (không còn là cổ đông lớn từ ngày 19/3/2021);
- Nguyễn Thành Lê (Không còn là cổ đông lớn từ ngày 24/03/2021)
- Công ty Cổ phần HQ Investment Group(Cổ đông lớn từ ngày 28/5/2021 đến ngày 04/08/2021
- Lê Hồng Ngọc (Cổ đông lớn từ ngày 10/05/2021 đến ngày 07/07/2021)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
- Mua hàng hóa dịch vụ (TK 632+ TK642)		
		4,001,038,729
1 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	3,730,188,729
2 Công ty TNHH Container MinhThành	Giá vốn dịch vụ	270,850,000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ + DT HDTC		
		740,551,192
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	179,234,048
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	15,395,666
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	66,756,536
4 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	42,538,915
5 Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	82,500,000
6 Công ty TNHH Container MinhThành	Doanh thu dịch vụ	134,126,027
7 Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	Doanh thu dịch vụ	220,000,000
- Giao dịch khác		
Chuyển nhượng vốn góp của 2 công ty: Công ty TNHH SX và TM		
1 Duyên Hải và Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ cho Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		39,367,444,563
Cộng		39,367,444,563
- Trả trước cho người bán		
		Tại ngày 31/12/2021
1 Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận.	Công nợ	70,160,904,000
Cộng		70,160,904,000
- Thù lao, thu nhập, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		
		Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
Thù lao, thu nhập, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		1,030,141,712

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý IV năm 2020 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

6. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 1 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Bình



Phu lục số 01:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	9,253,638,408	43,727,274	9,328,713,864
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			8,004,769,317		8,004,769,317
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối kỳ		31,348,182	1,248,869,091	43,727,274	1,323,944,547
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		31,348,182	8,160,877,941	43,727,274	8,235,953,397
- Khấu hao trong kỳ			124,886,904		124,886,904
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			8,004,769,317		8,004,769,317
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối kỳ		31,348,182	280,995,528	43,727,274	356,070,984
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm		-	1,092,760,467	-	1,092,760,467
- Tại ngày cuối kỳ		-	967,873,563	-	967,873,563

Phu lục số 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	187,110,000,000	9,772,359,500	(22,095,490,500)	70,539,052	825,550,013	67,644,443,703	243,327,401,768
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước						18,391,170,841	18,391,170,841
Tăng khác				355,783,133	49,596,839		405,379,972
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác				317,790,000		15,373,475,482	15,691,265,482
							-
2. Số dư cuối năm trước	187,110,000,000	9,772,359,500	(22,095,490,500)	108,532,185	875,146,852	70,662,139,062	246,432,687,099
3. Số dư đầu năm nay	187,110,000,000	9,772,359,500	(22,095,490,500)	108,532,185	875,146,852	70,662,139,062	246,432,687,099
Tăng vốn trong kỳ							-
Lãi trong kỳ						32,869,721,286	32,869,721,286
Tăng khác		20,154,573,600	22,095,490,500	389,548,109	69,418,208		42,709,030,417
Giảm vốn trong kỳ							-
Lỗ trong kỳ							-
Giảm khác				498,080,294		11,865,112,304	12,363,192,598
							-
4. Số dư cuối kỳ :	187,110,000,000	29,926,933,100	-	-	944,565,060	91,666,748,044	309,648,246,204

